

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2021/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, 21 háng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về quy định bố trí số lượng và chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức
phường, xã, thị trấn trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức;

Căn cứ Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021;

Căn cứ Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27 tháng 5 năm 2010 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06 tháng 11 năm 2019 của Bộ Nội vụ ban hành hướng dẫn thực hiện một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 3995/TTr-SNV ngày 22 tháng 9 năm 2020, ý kiến thẩm định của Sở Tài chính tại Công văn số 7355/STC-NS ngày 27 tháng 11 năm 2019 và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Công văn số 1856/STP-VB ngày 17 tháng 4 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Về số lượng và thẩm quyền tuyển dụng, điều động, biệt phái công chức phường, xã, thị trấn

1. Số lượng cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn được bố trí theo quy định về phân loại đơn vị hành chính phường, xã, thị trấn thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể:

- a) Loại 1: Tối đa 23 người;
- b) Loại 2: Tối đa 21 người;
- c) Loại 3: Tối đa 19 người.

2. Đối với các xã, thị trấn bố trí Trưởng Công an là công an chính quy thì số lượng cán bộ, công chức quy định tại khoản 1 Điều này giảm đi 01 người. Các phường bố trí Trưởng Công an là công an chính quy được giữ nguyên số lượng cán bộ, công chức theo phân loại đơn vị hành chính quy định tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Số lượng cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn quy định tại khoản 1 Điều này đã bao gồm cả cán bộ, công chức được luân chuyển, điều động, biệt phái về công tác tại phường, xã, thị trấn. Riêng trường hợp luân chuyển về đảm nhiệm chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường, xã, thị trấn thì được thực hiện theo Nghị định số 08/2016/NĐ-CP ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Chính phủ về số lượng Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân và quy trình, thủ tục bầu, từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm, điều động, cách chức thành viên Ủy ban nhân dân.

4. Căn cứ Quyết định này và quy định về số lượng cán bộ, công chức phân loại đơn vị hành chính phường, xã, thị trấn tại Thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban

nhân dân quận, huyện quyết định tuyển dụng, phân công, điều động, luân chuyển và bố trí người đảm nhiệm các chức danh công chức cấp xã theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Thông tư số 13/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Điều 2. Về bố trí số lượng người đảm nhiệm các chức danh công chức

1. Căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ cụ thể của từng phường, xã, thị trấn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện bố trí số lượng người đảm nhiệm các chức danh công chức đảm bảo nguyên tắc mỗi chức danh phải có công chức phụ trách.

2. Mỗi chức danh công chức quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ được bố trí 01 người đảm nhiệm.

3. Sau khi đã bố trí đủ số lượng theo các chức danh công chức quy định tại khoản 2 Điều này, số lượng còn lại bố trí cho các chức danh: Địa chính - xây dựng - đô thị và môi trường (đối với phường, thị trấn) hoặc Địa chính - nông nghiệp - xây dựng và môi trường (đối với xã); Tư pháp - hộ tịch; Văn phòng - Thống kê; Văn hóa - xã hội và Tài chính - kế toán nhưng phải bảo đảm mỗi chức danh bố trí không quá 03 người đảm nhiệm. Số công chức sau khi bố trí và số cán bộ không vượt quá tổng số cán bộ, công chức cấp xã được bố trí theo quy định tại Điều 1.

4. Những chức danh công chức có từ 02 người đảm nhiệm, khi tuyển dụng, ghi hồ sơ lý lịch và sổ bảo hiểm xã hội phải thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư số 13/2019/TT-BNV của Bộ Nội vụ.

Điều 3. Về chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn

1. Cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn được xếp lương theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP, Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ. Về thực hiện nâng bậc lương và phụ cấp thâm niên vượt khung theo quy định tại Điều 6, Điều 8 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Phụ cấp chức vụ lãnh đạo: cán bộ phường, xã, thị trấn được hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 92/2009/NĐ-CP của Chính phủ và khoản 1 Điều 6 Thông tư liên tịch số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ.

3. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh: cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn kiêm nhiệm chức danh mà giảm được 01 người trong số lượng quy định tối đa tại khoản 1 Điều 1, kể từ ngày được cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm thì được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm chức danh theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số

34/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

4. Cán bộ phường, xã, thị trấn là người đang hưởng chế độ hưu trí hoặc trợ cấp mất sức lao động, ngoài lương hưu hoặc trợ cấp mất sức lao động hiện hưởng, hàng tháng được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ.

5. Cán bộ nghỉ hưu tham gia công tác, giữ chức danh Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và Trưởng các đoàn thể phường, xã, thị trấn được hưởng khoản trợ cấp trách nhiệm 50.000 đồng/người/tháng. Nguồn kinh phí thực hiện trong định mức kinh phí theo chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về biên chế và kinh phí quản lý hành chính của phường, xã, thị trấn.

6. Trường hợp cán bộ, công chức dôi dư do sắp xếp lại đơn vị hành chính theo quy định tại Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hoặc dôi dư theo số lượng quy định về số lượng cán bộ, công chức cấp xã tại Nghị định số 34/2019/NĐ-CP của Chính phủ được giải quyết chế độ theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế; Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ và Nghị quyết số 25/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân Thành phố về chế độ hỗ trợ thêm đối với cán bộ nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc theo Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị, Nghị định số 108/2014/NĐ-CP của Chính phủ. Nguồn chi trả do ngân sách nhà nước chi trả từ nguồn cải cách tiền lương của ngân sách thành phố và ngân sách quận, huyện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nội phối hợp Sở Tài chính hướng dẫn và triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Giao Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố bố trí kinh phí hàng năm từ ngân sách thành phố phân bổ cho Ủy ban nhân dân quận, huyện theo quy định.

3. Hàng năm, Ủy ban nhân dân quận, huyện báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố (thông qua Sở Nội vụ) về số lượng, bố trí, giải quyết chế độ, chính sách các chức danh cán bộ, công chức phường, xã, thị trấn.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 02 năm 2021.

2. Trường hợp các phường thực hiện đề án sắp xếp các đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 653/2019/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội phải đảm bảo chậm nhất 05 năm kể từ ngày Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sắp xếp đối với từng đơn vị hành chính có hiệu lực sẽ bố trí đúng số lượng cán bộ, công chức theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Quyết định này. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận báo cáo và trình Ủy ban nhân dân Thành phố về lộ trình thực hiện sắp xếp, giải quyết chính sách đối với những trường hợp dôi dư do sắp xếp lại.

3. Quyết định này thay thế Quyết định số 60/2010/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận, huyện quyết định số lượng, bố trí các chức danh cán bộ, công chức và cán bộ không chuyên trách phường, xã, thị trấn.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng Sở, ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, phường, xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thành Phong